TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Hồng Ứng.
2. Ông Nguyễn Văn Hành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 22-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 03-4-2018, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18-5-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05-6-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị V; Sinh năm: 1986; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lý T; Sinh năm: 1984; Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 13-3-2018, Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 19-4-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Lý Thị V trình bày như sau: Vào năm 2007, bà Lý Thị V và ông Lý T tự nguyện kết hôn. Đến năm 2011, bà V và ông T làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01, Quyển số 01 ngày 11-02-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V, ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T đánh bà V và sống ly thân với nhau từ tháng 10-2014 đến nay. Vợ chồng bà V, ông T có một người con chung là Lý Thị P, sinh ngày 07-5-2008, hiện nay cháu P sống chung với bà V. Hiện nay, vợ chồng bà V, ông T không có tài sản chung và nợ chung. Nay bà

V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Về con chung, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Thị P đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung vì bà V đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà Vân không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Lý T nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông T về vụ án.

* Theo Biên bản lấy lời khai ngày 19-4-2018, cháu Lý Thị P là con chung của bà Lý Thị V và ông Lý T xác định hiện đang sống chung với bà Lý Thị V, trong trường hợp Tòa án giải quyết chấp thuận cho bà Lý Thị V và ông Lý T ly hôn thì cháu P có nguyện vọng được sống chung với là Lý Thị V.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Lý Thị V, Lý T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà V cho vợ chồng bà V, ông T ly hôn. Về con chung, xét yêu cầu của bà V là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên của bà V và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lý Thị P, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng Lý Thị P đến khi thành niên, đồng thời do bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung nên không buộc ông T phải cấp dưỡng cho con chung. Ngoài ra, buộc bà V chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20-3-2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được Đơn khởi kiện ngày 13-3-2018 của bà Lý Thị V cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà V nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà V và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn khởi kiện ngày 13-3-2018, bà Lý Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ

án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Lý T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Lý Thị V, sinh năm 1986 và ông Lý T, sinh năm 1984 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, Quyển số 01 ngày 11-02-2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V, ông T chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ tháng 10-2014 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà V, ông T đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà V, ông T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà V xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu về con chung của nguyên đơn: Bà Lý Thị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lý Thị P, sinh ngày 07-5-2008 đến khi thành niên. Xét lời trình bày của bà V xác định vợ chồng bà V, ông T có một người con chung là Lý Thị P, sinh ngày 07-5-2008 là phù hợp với Giấy khai sinh số 18, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11-02-2011. Hiện nay, cháu P sống chung với bà V. Xét yêu cầu giải quyết về con chung của bà V là phù hợp với điều kiện thực tế cần ổn định cuộc sống của cháu P, phù hợp với điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của bà V và phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lý Thị P cho bà Lý Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa, bà V không có yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không buộc ông T cấp dưỡng cho cháu Dung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lý Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Lý T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Lý T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị V và ông Lý T được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị V và ông Lý T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 11-02-2011 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Lý Thị V trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Lý Thị V và ông Lý T là Lý Thị P, sinh ngày 07-5-2008 đến khi thành niên (hiện nay, cháu Lý Thị P sống chung với bà Lý Thị V).

- Ông Lý T không phải cấp dưỡng cho con chung.

- Ông Lý T có quyền, nghĩa vụ thăm nom Lý Thị P mà không ai được cản trở. Ông Lý T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Lý Thị P của bà Lý Thị V.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009546 ngày 29-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lý T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Lý T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Lý T.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ